TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐIỆN TOÁN

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 15/11/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB14321	Huỳnh Vĩ	An	09/10/1993	Nam	9,0	8,33	Đạt	
2	BKCB14322	Nguyễn Ngọc Bảo	Ân	19/10/2005	Nam	9,67	5,33	Đạt	
3	BKCB14323	Lê Gia	Bảo	16/11/2005	Nam	10,0	7,0	Đạt	
4	BKCB14324	Mai Văn	Cương	03/06/1993	Nam	8,67	7,0	Đạt	
5	BKCB14325	Nguyễn Viết	Cương	05/06/1991	Nam	9,67	5,67	Đạt	
6	BKCB14326	Lương Hoàng	Cường	27/10/1985	Nam	9,67	6,67	Đạt	
7	BKCB14327	Trần Thành	Danh	02/07/1982	Nam	9,67	7,0	Đạt	
8	BKCB14328	Trương Thành	Danh	01/01/1973	Nam				Vắng
9	BKCB14329	Nguyễn Hữu	Đạt	12/06/1994	Nam	10,0	9,0	Đạt	
10	BKCB14330	Nguyễn Thành	Đạt	06/09/1985	Nam				Vắng
11	BKCB14331	Lê Đình	Định	18/11/1994	Nam	8,33	7,67	Đạt	
12	BKCB14332	Lê Duy	Đông	20/09/1989	Nam	9,0	6,33	Đạt	
13	BKCB14333	Nguyễn Thiện	Đức	29/12/2005	Nam				Vắng
14	BKCB14334	Đỗ Văn	Dũng	23/07/1992	Nam	9,67	5,33	Đạt	
15	BKCB14335	Trần Xuân	Dương	01/02/1986	Nam	9,33	7,33	Đạt	
16	BKCB14336	Nguyễn Hoàng Đoàn	Duy	15/07/1990	Nam				Vắng
17	BKCB14337	Mai Thị Hương	Giang	02/02/2002	Nữ	9,33	7,0	Đạt	
18	BKCB14338	Lê Thị Thu	Hà	16/08/1996	Nữ	10,0	8,67	Đạt	
19	BKCB14339	Nguyễn Hoàng	Hải	24/11/1991	Nam	9,33	7,0	Đạt	
20	BKCB14340	Trần Duy	Hạnh	01/06/1985	Nam	9,67	6,0	Đạt	
21	BKCB14341	Phạm Văn	Hiệp	13/12/1993	Nam	8,33	6,33	Đạt	
22	BKCB14342	Đào Nguyên	Hiếu	05/05/1994	Nam	10,0	7,67	Đạt	
23	BKCB14343	Phạm Quang Trung	Hoàng	22/10/1994	Nam	10,0	8,67	Đạt	
24	BKCB14344	Trần Tiến	Hưng	12/12/1996	Nam				Vắng
25	BKCB14345	Nguyễn Hoàng	Huy	14/06/2005	Nam	10,0	8,0	Đạt	
26	BKCB14346	Trần Đăng	Khoa	16/12/2005	Nam	10,0	6,0	Đạt	
27	BKCB14347	Phan Thanh	Lâm	23/07/1998	Nam	9,0	7,67	Đạt	
28	BKCB14348	Nguyễn Đức	Linh	21/10/2002	Nam	10,0	7,33	Đạt	
29	BKCB14349	Hồ Tấn	Lộc	17/12/1995	Nam	9,33	6,67	Đạt	
30	BKCB14350	Nguyễn Xuân	Long	11/05/1988	Nam	9,33	6,67	Đạt	
31	BKCB14351	Trần Văn	Long	20/10/1986	Nam	7,67	6,33	Đạt	
32	BKCB14352	Nguyễn Văn	Luân	02/07/1987	Nam	9,0	6,0	Đạt	
33	BKCB14353	Kiều Duy	Mẫn	30/10/1995	Nam	9,0	9,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
34	BKCB14354	Nguyễn Đình	Minh	03/03/1988	Nam	9,33	6,33	Đạt	
35	BKCB14355	Trần Văn	Minh	28/09/1991	Nam	9,33	5,33	Đạt	
36	BKCB14356	Nguyễn Việt	Ngân	02/11/1992	Nữ	9,0	5,0	Đạt	
37	BKCB14357	Phan Thị Hồng	Ngọc	06/04/1992	Nữ	9,67	8,67	Đạt	
38	BKCB14358	Vũ Đức	Ngọc	11/12/1994	Nam				Vắng
39	BKCB14359	Phan Thanh	Nhân	01/01/1984	Nam	10,0	7,0	Đạt	
40	BKCB14360	Hà Minh	Nhật	21/08/1986	Nam	6,67	6,33	Đạt	
41	BKCB14361	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	09/12/1973	Nữ				Vắng
42	BKCB14362	Huỳnh Thiên	Phát	14/04/2003	Nam	9,0	7,67	Đạt	
43	BKCB14363	Tô Hoài	Phương	03/03/1996	Nam	9,0	6,67	Đạt	
44	BKCB14364	Triệu Quang	Sáng	16/09/1997	Nam	9,0	6,0	Đạt	
45	BKCB14365	Lê Hoàng	Sơn	11/11/1989	Nam				Vắng
46	BKCB14366	Nguyễn Trọng	Tài	20/04/1994	Nam	8,67	5,67	Đạt	
47	BKCB14367	Phạm Tú	Tài	30/01/1998	Nam	9,67	6,67	Đạt	
48	BKCB14368	Nguyễn Thành	Tâm	27/04/1991	Nam				Vắng
49	BKCB14369	Phạm Văn	Tâm	01/04/1997	Nam	9,67	6,0	Đạt	
50	BKCB14370	Trần Nguyễn Thành	Tâm	16/11/1998	Nam				Vắng
51	BKCB14371	Nguyễn Thanh	Tân	28/04/1998	Nam	9,0	7,67	Đạt	
52	BKCB14372	Lê Đình	Thạch	09/02/1988	Nam	9,33	6,67	Đạt	
53	BKCB14373	Phạm Xuân	Thái	22/09/1986	Nam	9,67	6,67	Đạt	
54	BKCB14374	Mai Việt	Thắng	30/09/1990	Nam	9,0	6,33	Đạt	
55	BKCB14375	Huỳnh Thiện	Thành	16/05/1998	Nam				Vắng
56	BKCB14376	Trần Thị Bích	Thảo	29/10/1986	Nữ	8,67	7,0	Đạt	
57	BKCB14377	Nguyễn Minh	Thiện	05/07/1991	Nam				Vắng
58	BKCB14378	Trịnh Phúc	Thiện	03/09/1984	Nam	9,33	6,33	Đạt	
59	BKCB14379	Lại Văn	Thông	19/02/1998	Nam	9,67	7,0	Đạt	
60	BKCB14380	Huỳnh Bảo	Thuận	16/01/1989	Nam				Vắng
61	BKCB14381	Ngô Trọng	Thủy	09/03/1982	Nam				Vắng
62	BKCB14382	Phạm Quốc	Toàn	13/10/1990	Nam	10,0	7,67	Đạt	
63	BKCB14383	Phạm Minh	Tới	19/02/1998	Nam	9,33	8,0	Đạt	
64	BKCB14384	Trần Thị	Trang	15/03/1991	Nữ	7,33	7,67	Đạt	
65	BKCB14385	Trần Thanh	Trung	23/04/1996	Nam	9,67	8,0	Đạt	
66	BKCB14386	Trần Anh	Tú	08/04/1990	Nam	8,67	5,33	Đạt	
67	BKCB14387	Đoàn Xuân	Tuấn	12/07/1990	Nam				Vắng
68	BKCB14388	Đồng Khắc	Tuấn	15/09/1985	Nam				Vắng
69	BKCB14389	Thiều Anh	Tuấn	04/01/1987	Nam	9,67	8,67	Đạt	
70	BKCB14390	Nguyễn Ngọc	Tuyển	02/04/1994	Nam	10,0	8,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
71	BKCB14391	Lê Thanh	Vinh	12/11/2005	Nam				Vắng
72	BKCB14392	Võ Lê Hoàng Cao	Vinh	19/01/2000	Nam				Vắng
73	BKCB14393	Phan Thanh	Vũ	02/08/2000	Nam	10,0	8,33	Đạt	
74	BKCB14394	Nguyễn Xuân	Lộc	15/10/1984	Nam				Vắng

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm)>=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh: **74** **Số thí sinh đạt:** **55**

Số lượng hiện diện: **55**

Thư ký Hội đồng **Chủ tịch Hội đồng**

Ngô Quang Nhựt **Thoại Nam**